

Số: 30/2022/NQ-HĐND

Hậu Giang, ngày 09 tháng 12 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất từ các
Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Hậu Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG
KHÓA X KỲ HỌP THỨ 13**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6
năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính
phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu
quốc gia;*

*Căn cứ Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04 tháng 3 năm 2022 của Bộ
trưởng Bộ tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện
Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc
thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến
năm 2025;*

*Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 5 năm 2022 của
Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung thực
hiện đa dạng hoá sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động
đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia
giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ
trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện một số nội dung dự án
thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào*

dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn 1: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 46/2022/TT-BTC ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2021 - 2025.

Xét Tờ trình số 207/TTr-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất từ các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Hậu Giang; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất từ các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật.

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang Khoá X Kỳ họp thứ 13 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 18 tháng 12 năm 2022. / *ph*

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Cục Quản trị II;
- Văn phòng Chính phủ (HN - TP. HCM);
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Ủy ban Dân tộc;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN và đoàn thể tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- HĐND, UBND, UBMTTQVN cấp huyện;
- Cơ quan Báo, Đài tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT. *ph*



CHỦ TỊCH

Trần Văn Huyền
Trần Văn Huyền



QUY ĐỊNH

Hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất từ các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Hậu Giang

(Kèm theo Nghị quyết số 30/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định nội dung hỗ trợ, mức hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất theo quy định tại Điều 21, Điều 22, Điều 23 của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và điểm a khoản 2 Điều 9 Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

2. Các nội dung không quy định tại Quy định này thực hiện theo những quy định tại các văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh liên quan đến quy định, hướng dẫn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan trong quản lý, tổ chức thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Trong cùng một nội dung hỗ trợ, đối tượng thụ hưởng chỉ được hỗ trợ từ một Chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Các nguyên tắc khác về quản lý hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia thực hiện theo Điều 20 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Định mức kinh tế, kỹ thuật thực hiện dự án

1. Thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp đối với từng lĩnh vực nông, lâm và ngư nghiệp: Áp dụng định mức kinh tế, kỹ thuật theo Quyết định số 01/2021/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang ban hành về định mức kinh tế, kỹ thuật áp dụng cho một số mô hình khuyến nông chủ yếu trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

2. Căn cứ theo quy mô thực tế về diện tích, số lượng vật nuôi và định mức kinh tế, kỹ thuật áp dụng cho một số mô hình khuyến nông chủ yếu trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Điều 5. Nội dung hỗ trợ, mức hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch trong thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị

1. Nội dung hỗ trợ

a) Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025: Thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 21 Nghị định 27/2022/NĐ-CP.

b) Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025: Thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP, các khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 9 Điều 5 Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 và thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

c) Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025: Thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP và khoản 1 Điều 11 Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04 tháng 03 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025.

2. Mức hỗ trợ

Hỗ trợ tối đa 80% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn đặc biệt khó khăn; 70% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn khó khăn; 50% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn khác thuộc phạm vi đầu tư các Chương trình mục tiêu quốc gia. Hỗ trợ kinh phí thực hiện một (01) dự án tối đa 01 tỷ đồng.

3. Phương thức hỗ trợ

Ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án, kế hoạch liên kết thông qua đơn vị chủ trì liên kết.

4. Mẫu hồ sơ

Thực hiện theo Phụ lục I (từ mẫu số 01, 02, 03, 04, 05) ban hành kèm theo Nghị quyết này.

5. Trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch sản xuất; lựa chọn đơn vị đặt hàng

a) Khảo sát, xây dựng dự án

Đơn vị chủ trì liên kết phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi dự kiến triển khai dự án để xây dựng dự án.

Trên cơ sở kết quả khảo sát và ý kiến thống nhất với Ủy ban nhân dân cấp huyện, đơn vị chủ trì liên kết lập hồ sơ đề xuất thực hiện dự án, kế hoạch đề nghị hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị.

b) Thẩm định và phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết

b1) Trường hợp dự án, kế hoạch liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt (*Đối với các dự án, kế hoạch liên kết sản xuất được thực hiện trong phạm vi địa bàn từ 2 huyện, thị xã, thành phố trở lên hoặc đối với các dự án, kế hoạch liên kết sản xuất do đơn vị cấp tỉnh được giao vốn*)

Bước 1: Đơn vị chủ trì liên kết thực hiện dự án, kế hoạch hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị gửi hồ sơ đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (cơ quan chủ trì).

Bước 2: Sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chủ trì căn cứ vào tính chất, quy mô của dự án tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định và Tổ giúp việc cho Hội đồng. Chủ tịch Hội đồng thẩm định là lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các thành viên là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện (nơi có dự án, kế hoạch liên kết), các sở, ban, ngành có liên quan và mời chuyên gia độc lập tham gia (nếu cần thiết).

Nội dung thẩm định phải làm rõ việc đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP và sự cần thiết thực hiện dự án, kế hoạch liên kết.

Bước 3: Trong thời gian 10 ngày làm việc, kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Hội đồng thẩm định tổ chức thẩm định hồ sơ. Nếu hồ sơ đủ điều kiện, cơ

quan chủ trì tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt dự án; trường hợp dự án không đủ điều kiện theo quy định, cơ quan chủ trì phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

b2) Trường hợp dự án, kế hoạch liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt (*Đối với các dự án, kế hoạch liên kết sản xuất thực hiện trong phạm vi địa bàn huyện, thị xã, thành phố*)

Bước 1: Đơn vị chủ trì liên kết thực hiện dự án, kế hoạch hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị gửi hồ sơ đến Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Phòng Kinh tế (cơ quan chủ trì).

Bước 2: Sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chủ trì tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập Hội đồng thẩm định hồ sơ và tổ giúp việc cho Hội đồng thẩm định. Thành phần Hội đồng thẩm định bao gồm: Chủ tịch Hội đồng thẩm định là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện; các thành viên là lãnh đạo Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Phòng Kinh tế, lãnh đạo phòng, ban chuyên môn có liên quan trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và chuyên gia độc lập (nếu cần thiết).

Nội dung thẩm định phải làm rõ việc đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP và sự cần thiết thực hiện dự án, kế hoạch liên kết.

Bước 3: Trong thời gian 10 ngày làm việc, kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Hội đồng thẩm định tổ chức thẩm định hồ sơ. Nếu hồ sơ đủ điều kiện, cơ quan chủ trì tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt dự án; trường hợp dự án không đủ điều kiện theo quy định, cơ quan chủ trì phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Điều 6. Nội dung hỗ trợ, mức hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch trong thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng

1. Nội dung hỗ trợ

a) Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025: Thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP, các khoản 2, 3, 4, 6, 7, 8 và 9 Điều 5 Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH và Điều 5, Điều 6 Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT.

b) Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025: Thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP và Điều 12 Thông tư số 15/2022/TT-BTC.

2. Mức hỗ trợ

Hỗ trợ tối đa 95% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án trên địa bàn đặc biệt khó khăn; 80% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án trên địa bàn khó khăn; 60% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án trên các địa bàn khác thuộc phạm vi

đầu tư các chương trình mục tiêu quốc gia. Hỗ trợ kinh phí thực hiện một (01) dự án tối đa 01 tỷ đồng.

3. Phương thức hỗ trợ

Ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án, phương án sản xuất thông qua người đại diện do cộng đồng lựa chọn.

4. Mẫu hồ sơ

Thực hiện theo Phụ lục II (từ mẫu số 01, 02, 03, 04, 05) ban hành kèm theo Nghị quyết này.

5. Trình tự thủ tục thực hiện

a) Bước 1: Xây dựng dự án

Cộng đồng dân cư phối hợp, thống nhất với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi dự kiến triển khai dự án để xây dựng dự án.

Hồ sơ đề xuất thực hiện dự án bao gồm: Biên bản họp dân; kế hoạch sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm; tổng chi phí dự án, đề nghị mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, phần đóng góp của các thành viên tổ nhóm; kết quả thực hiện dự án; hình thức luân chuyển, cách thức quản lý tiền luân chuyển quay vòng trong cộng đồng (nếu có); trách nhiệm giám sát của Ủy ban nhân dân cấp xã đối với tiền luân chuyển; nhu cầu đào tạo, tập huấn về kỹ thuật; nội dung khác (nếu có) theo quy định của cơ quan có thẩm quyền tại địa phương.

b) Bước 2: Thẩm định dự án

Cộng đồng dân cư gửi hồ sơ đề xuất dự án, phương án sản xuất đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi dự kiến triển khai dự án.

Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp hồ sơ gửi đến Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Phòng Kinh tế/Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội (cơ quan chủ trì) thông qua bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chủ trì tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập Tổ thẩm định hồ sơ và bộ phận giúp việc cho Tổ thẩm định. Thành phần Tổ thẩm định bao gồm: Tổ trưởng là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện; tổ phó là lãnh đạo Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Phòng Kinh tế/Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội; thành viên là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có dự án, phương án sản xuất của cộng đồng, lãnh đạo phòng, ban chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và chuyên gia hoặc những người có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm về thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất do cộng đồng bình chọn (nếu có).

c) Bước 3: Phê duyệt dự án

Căn cứ ý kiến thẩm định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định hoặc ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Thủ trưởng phòng, ban trực

thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất do cộng đồng dân cư đề xuất.

Nội dung quyết định dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất bao gồm: Tên dự án, phương án; thời gian triển khai; địa bàn thực hiện; đối tượng tham gia dự án; các hoạt động của dự án; dự toán kinh phí thực hiện dự án; nguồn kinh phí thực hiện (ngân sách nhà nước hỗ trợ, vay vốn tín dụng ưu đãi, vốn lồng ghép thực hiện các chính sách và vốn đối ứng của các hộ gia đình tham gia (nếu có)); hình thức, mức quay vòng (nếu có); dự kiến hiệu quả, kết quả đầu ra của dự án, phương án; trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp; chế tài xử lý trong trường hợp vi phạm cam kết (nếu có).

d) Trong thời gian 7 ngày làm việc, kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Tổ thẩm định tổ chức thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện cơ quan chủ trì có trách nhiệm trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định hoặc ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Thủ trưởng phòng, ban trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt dự án; trường hợp dự án không đủ điều kiện theo quy định phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

6. Cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ bằng tiền hay hiện vật để luân chuyển trong cộng đồng do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo quy định tại điểm c khoản 7 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

Điều 7. Nội dung hỗ trợ, mức hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án trong thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ

1. Nội dung hỗ trợ

Theo quy định tại khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 6 Quy định này, trên cơ sở đã xem xét khả năng áp dụng hình thức hỗ trợ nhưng không huy động được sự tham gia của doanh nghiệp, hợp tác xã, các tổ chức khác hoặc không có đề xuất từ cộng đồng dân cư; hoặc dự án hỗ trợ người dân đang chịu thiệt hại nặng nề bởi thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường; dự án, mô hình cho các nhóm đối tượng yếu thế; hỗ trợ sản xuất gắn với củng cố quốc phòng an ninh, bình đẳng giới; mô hình ứng dụng công nghệ, kỹ thuật sản xuất mới.

2. Mức hỗ trợ

Hỗ trợ kinh phí thực hiện một (01) dự án tối đa 03 tỷ đồng. Khuyến khích bên nhận đặt hàng, các hộ gia đình, cộng đồng tham gia dự án có đóng góp đối ứng (bằng tiền, ngày công, hoặc hiện vật).

3. Phương thức hỗ trợ

Ngân sách nhà nước hỗ trợ thông qua bên được giao nhiệm vụ, nhận đặt hàng.

4. Mẫu hồ sơ

Thực hiện theo Phụ lục III (từ mẫu số 01, 02, 03) ban hành kèm theo Nghị quyết này.

5. Trình tự thủ tục thực hiện

a) Xây dựng, phê duyệt dự án

Cơ quan được bố trí kinh phí để thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất giao cho cơ quan, đơn vị trực thuộc chủ trì thực hiện dự án tiến hành khảo sát, xây dựng dự án, bao gồm: tên đơn vị đề xuất dự án, loại mô hình, mục tiêu, đối tượng tham gia, thời gian triển khai, địa bàn thực hiện, nội dung, kinh phí, kế hoạch triển khai theo Phụ lục kèm theo Nghị quyết này; trình Thủ trưởng cơ quan được bố trí kinh phí quyết định phê duyệt dự án.

b) Lựa chọn đơn vị đặt hàng

Căn cứ quyết định phê duyệt dự án, cơ quan, đơn vị trực thuộc chủ trì thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất ký hợp đồng đặt hàng với bên nhận đặt hàng hoặc quyết định giao nhiệm vụ với bên được giao nhiệm vụ.

Ủy ban nhân dân cấp huyện theo dõi, kịp thời kiến nghị cơ quan, đơn vị chủ trì thực hiện dự án về các nội dung vướng mắc liên quan.

c) Cơ quan đặt hàng, giao nhiệm vụ ký hợp đồng đặt hàng với bên nhận đặt hàng hoặc quyết định giao nhiệm vụ với bên được giao nhiệm vụ; hướng dẫn, giám sát, thanh toán và giải ngân vốn dựa trên kết quả nghiệm thu từng giai đoạn hoàn thành nội dung, hoạt động theo tiến độ được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 8. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Kinh phí sự nghiệp ngân sách trung ương thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; ngân sách tỉnh, cấp huyện, cấp xã đối ứng thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định của từng Chương trình.

2. Vốn đối ứng của doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, cộng đồng dân cư, người dân tham gia thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia; và các nguồn vốn hợp pháp khác./



Phụ lục I

**HỒ SƠ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT LIÊN KẾT
THEO CHUỖI GIÁ TRỊ**

*(Kèm theo Quy định hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất từ các Chương trình
mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Hậu Giang)*

Mẫu số 01	Đơn đề nghị về việc hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị
Mẫu số 02	Dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị
Mẫu số 03	Kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết theo chuỗi giá trị
Mẫu số 04	Bản thỏa thuận về việc cử đơn vị làm chủ đầu tư dự án liên kết <i>(hoặc chủ trì liên kết)</i>
Mẫu số 05	Bản cam kết bảo đảm các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường

Mẫu số 01

TÊN ĐƠN VỊ
CHỦ TRÌ LIÊN KẾT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**V/v hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị**

Kính gửi: (Tên cơ quan được giao chủ trì)

Căn cứ:.....

Tên đơn vị chủ trì liên kết (Doanh nghiệp, Hợp tác xã, liên hiệp Hợp tác xã):...

Người đại diện theo pháp luật:

Chức vụ:.....

Giấy đăng ký kinh doanh số..... ngày cấp.....

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:..... Email:

Căn cứ chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị của các chương trình mục tiêu quốc gia, (Tên đơn vị chủ trì liên kết) đề nghị (tên cơ quan được giao chủ trì) thẩm định và trình phê duyệt Dự án:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Loại sản phẩm liên kết:

2. Địa bàn thực hiện:

3. Quy mô liên kết:

4. Tiến độ thực hiện dự kiến:

II. ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC

1. Nội dung hỗ trợ chi tiết (đề nghị nêu cụ thể từng nội dung chủ trì liên kết đề nghị được nhà nước hỗ trợ):

.....

.....

.....

.....

2. Tổng kinh phí thực hiện dự án:.....; trong đó: Vốn ngân sách nhà nước....., vốn của chủ trì liên kết....., vốn tham gia của bên liên kết....., vốn tín dụng ưu đãi....., vốn lồng ghép thực hiện các chính sách....

3. Tổng vốn, kinh phí đề nghị hỗ trợ

Chi tiết các năm đề nghị hỗ trợ (nếu hỗ trợ trong nhiều năm):

III. CAM KẾT: (Đơn vị chủ trì liên kết):

1. Tính chính xác của những thông tin trên đây.
2. Thực hiện đầy đủ các thủ tục và thực hiện đúng nội dung đã đăng ký theo quy định khi có quyết định hỗ trợ của cơ quan có thẩm quyền.
3. Đảm bảo đúng số lượng và tỷ lệ kinh phí đối ứng quy định tối thiểu từ các bên tham gia liên kết theo nội dung đã đăng ký và dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
4. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam.

IV. TÀI LIỆU KÈM THEO (liệt kê danh mục các tài liệu có liên quan gửi kèm):/.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

(ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ LIÊN KẾT)

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)



**TÊN ĐƠN VỊ
CHỦ TRÌ LIÊN KẾT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../...

....., ngày ...tháng...năm.....

**DỰ ÁN PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT LIÊN KẾT
THEO CHUỖI GIÁ TRỊ**

Phần I

**GIỚI THIỆU VỀ DỰ ÁN PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT
LIÊN KẾT THEO CHUỖI GIÁ TRỊ**

I. TÊN DỰ ÁN:

II. CÁC ĐỐI TƯỢNG THAM GIA DỰ ÁN

1. Tên đơn vị chủ trì liên kết (Doanh nghiệp, Hợp tác xã, liên hiệp Hợp tác xã):

- Người đại diện theo pháp luật:

- Chức vụ:

- Giấy đăng ký kinh doanh số, ngày cấp

- Địa chỉ:

- Điện thoại: Fax: Email:

2. Các bên tham gia liên kết (đối với trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia liên kết)

- Tên đơn vị tham gia liên kết:

- Người đại diện theo pháp luật:

- Chức vụ:

- Giấy đăng ký kinh doanh số:, ngày cấp

- Địa chỉ:

- Điện thoại: Fax: Email:

3. Đối tượng liên kết (cá nhân, hộ gia đình thuộc đối tượng hỗ trợ của các chương trình mục tiêu quốc gia, các tổ nhóm cộng đồng, tổ hợp tác)

a) Đại diện đối tượng liên kết:

- Người đại diện (được cử hoặc bầu ra):

- Địa chỉ:

- Điện thoại: Fax: Email:

b) Số lượng đối tượng tham gia liên kết: người; trong đó:

- Đối tượng hỗ trợ của các chương trình mục tiêu quốc gia: người, chiếm% tổng số hộ tham gia dự án.

- Đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo:.....người, chiếm.....% tổng số hộ tham gia dự án.

III. ĐỊA ĐIỂM THỰC HIỆN DỰ ÁN PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT LIÊN KẾT THEO CHUỖI GIÁ TRỊ:

IV. CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG DỰ ÁN PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT LIÊN KẾT THEO CHUỖI GIÁ TRỊ (liệt kê danh mục các văn bản có liên quan làm căn cứ xây dựng dự án liên kết)

Phần II

NỘI DUNG DỰ ÁN PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT LIÊN KẾT THEO CHUỖI GIÁ TRỊ

I. MỤC TIÊU CỦA DỰ ÁN:.....

1. Mục tiêu tổng quát:.....

2. Mục tiêu cụ thể:.....

II. TỔNG QUAN VỀ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT THEO CHUỖI GIÁ TRỊ TRƯỚC KHI THỰC HIỆN DỰ ÁN VÀ SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG DỰ ÁN

1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội trên địa bàn (*điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội trên địa bàn có liên quan đến việc thực hiện dự án*):...

2. Tổng quan về phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị trước khi thực hiện dự án (*Kết quả thực hiện sản xuất theo chuỗi giá trị trong 03 năm gần nhất trong trường hợp đã có thời gian thực hiện lâu dài; trường hợp liên kết mới xây dựng, hoặc chưa có báo cáo khái quát tình hình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trong 3 năm gần nhất*).

3. Sự cần thiết xây dựng dự án:

III. NỘI DUNG CỦA DỰ ÁN LIÊN KẾT THEO CHUỖI GIÁ TRỊ

1. Sản phẩm thực hiện liên kết:

2. Quy mô liên kết:

3. Quy trình kỹ thuật áp dụng khi liên kết:

4. Hình thức liên kết:

5. Quyền hạn, trách nhiệm của các bên tham gia liên kết:

6. Thị trường sản phẩm của dự án liên kết; đánh giá tiềm năng thị trường và khả năng cạnh tranh của sản phẩm dự án liên kết.

7. Các giải pháp thực hiện để đưa dự án vào hoạt động (*thuê đất, san lấp mặt bằng, đầu tư vào các trang thiết bị*):

IV. CÁC NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ

1. Chi tiết các nội dung đề nghị được hỗ trợ:

.....

.....
 2. Đối ứng của đối tượng tham gia của các bên liên kết (*chi tiết đối với từng nội dung hỗ trợ, chi tiết đối với từng năm, nếu có*).

3. Thời gian và kinh phí hỗ trợ

a) Thời gian hỗ trợ (*chi tiết thời gian cho từng nội dung chính sách, chi tiết các năm, nếu có*)

b) Kinh phí hỗ trợ (*chi tiết kinh phí hỗ trợ cho từng nội dung chính sách, chi tiết các năm*)

Tổng số tiền xin hỗ trợ

4. Tổng kinh phí thực hiện dự án:.....; trong đó: Vốn ngân sách nhà nước....., vốn của chủ trì liên kết....., vốn tham gia của bên liên kết....., vốn tín dụng ưu đãi....., vốn lồng ghép thực hiện các chính sách....

5. Các hồ sơ gửi kèm (*đơn vị chủ trì dự án liên kết căn cứ các quy định hiện hành của các Chương trình, nguồn vốn hỗ trợ và các quy định hiện hành của Nhà nước, bổ sung dự toán, các tài liệu liên quan để phục vụ quá trình phê duyệt hỗ trợ dự án liên kết*):

V. DỰ KIẾN HIỆU QUẢ VÀ TÁC ĐỘNG CỦA DỰ ÁN LIÊN KẾT

1. Hiệu quả của dự án liên kết (*kinh tế, môi trường, xã hội*):

- Tạo việc làm cho người dân tham gia dự án;
- Nâng cao thu nhập cho người dân tham gia dự án;
- Khả năng đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;

2. Tác động của dự án liên kết (*các rủi ro về thị trường, tổ chức thực hiện, các rủi ro khác và giải pháp khắc phục*):

Phần III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ KIẾN NGHỊ

I. KẾ HOẠCH TỔ CHỨC THỰC HIỆN DỰ ÁN

(*Đơn vị chủ trì liên kết xây dựng kế hoạch cụ thể để thực hiện dự án liên kết. Trong đó phải có kế hoạch triển khai và thực hiện các nội dung ưu đãi, hỗ trợ, kế hoạch tài chính, kế hoạch giám sát và đánh giá thực hiện dự án liên kết*)

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của cơ quan chủ trì liên kết
2. Trách nhiệm của các bên tham gia liên kết
3. Chế tài xử lý trong trường hợp vi phạm cam kết

III. KIẾN NGHỊ

Ngoài các nội dung nêu trên, đơn vị chủ trì dự án liên kết có thể bổ sung các nội dung khác nhằm làm rõ hơn nội dung dự án liên kết và phù hợp với điều kiện thực tế.

CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN LIÊN KẾT

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 03

TÊN ĐƠN VỊ
CHỦ TRÌ LIÊN KẾT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/

....., ngày.....tháng.....năm.....

KẾ HOẠCH ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ LIÊN KẾT
THEO CHUỖI GIÁ TRỊ

Tên kế hoạch:

Căn cứ:.....

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP

1. Tên đơn vị chủ trì liên kết (*Doanh nghiệp, Hợp tác xã, liên hiệp Hợp tác xã*):

- Người đại diện theo pháp luật:
- Chức vụ:
- Giấy đăng ký kinh doanh số, ngày cấp
- Địa chỉ:
- Điện thoại:Fax: Email:

2. Các bên tham gia liên kết (*đối với trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia liên kết*)

- Tên đơn vị tham gia liên kết:.....
- Người đại diện theo pháp luật:.....
- Chức vụ:
- Giấy đăng ký kinh doanh số, ngày cấp.....
- Địa chỉ:
- Điện thoại:Fax.....Email:.....

3. Đối tượng liên kết (*cá nhân, hộ gia đình thuộc đối tượng hỗ trợ của các chương trình mục tiêu quốc gia, các tổ nhóm cộng đồng, tổ hợp tác*)

a) Đại diện đối tượng liên kết:

- Người đại diện (*được cử hoặc bầu ra*):
- Địa chỉ:
- Điện thoại:Fax: Email

b) Số lượng đối tượng tham gia liên kết: người; trong đó:

- Đối tượng hỗ trợ của các chương trình mục tiêu quốc gia:..... người, chiếm% tổng số hộ tham gia dự án.

- Đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo:.....người, chiếm.....% tổng số hộ tham gia dự án.

4. Địa điểm thực hiện liên kết:

II. THỰC TRẠNG LIÊN KẾT SẢN XUẤT THEO CHUỖI GIÁ TRỊ VÀ SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG LIÊN KẾT

1. Thực trạng liên kết

2. Sự cần thiết xây dựng kế hoạch liên kết

III. NỘI DUNG CỦA LIÊN KẾT

- Sản phẩm nông nghiệp thực hiện liên kết:
- Quy mô liên kết:
- Quy trình kỹ thuật áp dụng khi liên kết:
- Hình thức liên kết:
- Quyền hạn, trách nhiệm của các bên tham gia liên kết:
- Thị trường và khả năng cạnh tranh của sản phẩm.

IV. CÁC NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ

1. Chi tiết các nội dung đề nghị được hỗ trợ:

.....

2. Đối ứng của đối tượng tham gia của các bên liên kết (*chi tiết đối với từng nội dung hỗ trợ, chi tiết đối với từng năm, nếu có*).

3. Thời gian và kinh phí hỗ trợ

a) Thời gian hỗ trợ (*chi tiết thời gian cho từng nội dung chính sách, chi tiết các năm, nếu có*)

b) Kinh phí hỗ trợ (*chi tiết kinh phí hỗ trợ cho từng nội dung chính sách, chi tiết các năm*)

Tổng số tiền đề nghị hỗ trợ

4. Tổng kinh phí thực hiện kế hoạch:.....; trong đó: Vốn ngân sách nhà nước....., vốn của chủ trì liên kết....., vốn tham gia của bên liên kết....., vốn tín dụng ưu đãi....., vốn lồng ghép thực hiện các chính sách....

5. Các hồ sơ gửi kèm (đơn vị chủ trì dự án liên kết căn cứ các quy định hiện hành của các Chương trình, nguồn vốn hỗ trợ và các quy định hiện hành của Nhà nước, bổ sung dự toán, các tài liệu liên quan để phục vụ quá trình phê duyệt hỗ trợ kế hoạch liên kết):

V. DỰ KIẾN HIỆU QUẢ VÀ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ

VI. KẾ HOẠCH TIẾN ĐỘ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

VII. KIẾN NGHỊ

ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ LIÊN KẾT

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

BẢN THỎA THUẬN
VỀ VIỆC CỬ ĐƠN VỊ LÀM CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN LIÊN KẾT
(HOẶC CHỦ TRÌ LIÊN KẾT)

Ngày..... tháng.....năm....., tại:.....

..... chúng tôi là các bên tham gia liên kết, bao gồm:

1. Tên đơn vị tham gia liên kết:.....

- Người đại diện theo pháp luật:

- Chức vụ:

- Giấy đăng ký kinh doanh số.....ngày cấp

- Địa chỉ:

- Điện thoại:.....Fax:.....Email

2. Tên đơn vị tham gia liên kết:.....

- Người đại diện theo pháp luật:

- Chức vụ:

- Giấy đăng ký kinh doanh số.....ngày cấp

- Địa chỉ:

- Điện thoại:.....Fax:.....Email

3.

Các bên tham gia liên kết thống nhất cử đơn vị làm chủ đầu tư dự án liên kết (hoặc chủ trì liên kết) như sau:

I. ĐƠN VỊ LÀM CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN LIÊN KẾT (HOẶC CHỦ TRÌ LIÊN KẾT):.....

II. THÔNG TIN CHUNG VỀ LIÊN KẾT

1. Địa bàn liên kết:.....

2. Sản phẩm nông nghiệp thực hiện liên kết:

3. Quy mô liên kết:

4. Quy trình kỹ thuật áp dụng khi liên kết:.....

5. Quyền hạn, trách nhiệm của các bên tham gia liên kết:.....

III. TỔNG ĐẦU TƯ CỦA LIÊN KẾT:.....đồng, trong đó:

1. Số vốn đề nghị hỗ trợ: đồng

2. Đối ứng của các bên tham gia liên kết: đồng

-(tên đơn vị tham gia liên kết): đồng
 -.....(tên đơn vị tham gia liên kết): đồng
 3. Các nguồn vốn khác: đồng

IV. THỰC HIỆN LIÊN KẾT

1. Trách nhiệm của các bên tham gia liên kết (*ghi rõ trách nhiệm của mỗi bên tham gia liên kết*)

2. Các quy định về sửa đổi các nội dung được thỏa thuận.....

.....

Các bên tham gia liên kết ký trong Biên bản thỏa thuận này thống nhất với các nội dung đã thỏa thuận. Biên bản thỏa thuận có hiệu lực kể từ ngày ký và được thực hiện trong suốt thời gian thực hiện Dự án liên kết. Các bên tham gia liên kết có trách nhiệm thực hiện đầy đủ cam kết của mỗi bên trong quá trình thực hiện, các bên có thể sửa đổi các nội dung được thỏa thuận nhưng không được làm thay đổi nội dung của Dự án liên kết đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Bản thỏa thuận này được lập thành....bản có giá trị như nhau. Các bên tham gia liên kết giữ.....bản, chủ đầu tư dự án liên kết.....bản./.

Chữ ký của các bên tham gia dự án liên kết

ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 05

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

BẢN CAM KẾT

Bảo đảm các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường

Kính gửi:
(tên cơ quan được giao phê duyệt hồ trợ dự án liên kết)

Chủ trì liên kết:,

Người đại diện theo pháp luật:

Chức vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại:, Fax: Email:

Mã số thuế

Sản phẩm liên kết:

Loại hình liên kết:

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường trong các lĩnh vực:

Trồng trọt ☐

Lâm nghiệp ☐

Chăn nuôi ☐

Nuôi trồng thủy sản ☐

Lĩnh vực khác ☐

(Đánh dấu X vào ô ghi tên lĩnh vực sản xuất và cam kết thực hiện).

Nếu có vi phạm, chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

CHỦ TRÌ LIÊN KẾT

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



Phụ lục II

HỒ SƠ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CỘNG ĐỒNG

(Kèm theo Quy định hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất từ các Chương trình ưu tiên quốc gia trên địa bàn tỉnh Hậu Giang)

Mẫu số 01	Biên bản họp dân
Mẫu số 02	Đơn đề nghị về việc hỗ trợ dự án, phương án phát triển sản xuất cộng đồng
Mẫu số 03	Kế hoạch sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm
Mẫu số 04	Dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng
Mẫu số 05	Bản cam kết của hộ gia đình tham gia dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng



UBND XÃ.....
 Ấp/khu vực.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

.....ngày tháng ...năm

BIÊN BẢN HỌP DÂN

Hôm nay, ngày... tháng... năm, tại (ghi rõ địa điểm tổ chức họp) ấp/khu vực tổ chức họp để: (nêu mục đích cuộc họp).

1. Thành phần tham dự: (ghi rõ họ, tên, chức danh người chủ trì); Thư ký cuộc họp: (ghi rõ họ, tên, chức danh); Thành phần tham gia (Đại diện UBND xã, các tổ chức, đoàn thể, số lượng đối tượng tham gia:)

- **Đại diện UBND xã:**

Ông/ bà..... chức vụ.....

Ông/ bà..... chức vụ.....

- **Ấp/khu vực**

Ông/bà..... Chức vụ: Trưởng ấp/khu vực (chủ trì cuộc họp)

Ông/bà..... (thư ký cuộc họp)

- Tổng số hộ dân:/..... hộ tham gia.

2. Nội dung cuộc họp:

- Phổ biến dự án: Tên dự án, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng; định mức kinh tế kỹ thuật, mức chi hỗ trợ dự án.....

- Thông báo phương án thực hiện dự án, hỗ trợ của nhà nước, thống nhất về việc đóng góp của thành viên tổ cộng đồng, cơ chế quay vòng vốn (nếu có);

- Thành lập tổ/nhóm cộng đồng tham gia dự án (áp dụng đối với các ấp/khu vực chưa có tổ/ nhóm cộng đồng): Thành lập tổ/nhóm cộng đồng, bầu ra tổ trưởng/trưởng nhóm làm người đại diện, tổ phó/phó nhóm và các thành viên.

(Thành lập tổ cộng đồng phải đảm bảo tối thiểu 50% người dân tham gia là đối tượng hỗ trợ của các chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó ưu tiên nguồn lực thực hiện dự án, mô hình có trên 70% người dân tham gia là đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo. Có thành viên có kinh nghiệm làm kinh tế giỏi);

Sau khi triển khai và thảo luận chúng tôi thống nhất thành lập tổ/nhóm cộng đồng (tên tổ/ nhóm cộng đồng) tham gia dự án hỗ trợ phát triển sản xuất..... do ông/bà..... Tổ trưởng/ trưởng

nhóm làm đại diện. Tổ/nhóm cộng đồng..... gồmthành viên
 danh sách cụ thể như sau:

3. Danh sách thành viên tổ/nhóm cộng đồng tham gia dự án:

TT	Tên thành viên tham gia dự án	Ngày tháng năm sinh	Dân tộc	Địa chỉ (ấp, xã)	Thuộc đối tượng (hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, hộ khác)	Chức danh	Đăng ký hỗ trợ	Đối ứng của hộ	Ký xác nhận (hoặc điểm chỉ)	Ghi chú
						Tổ trưởng/ trưởng nhóm				
						Tổ phó/ phó nhóm				
						Thành viên				Có kinh nghiệm làm kinh tế giỏi

Cuộc họp kết thúc vào lúc giờ... cùng ngày. Được thông qua và các thành phần đều nhất trí nội dung biên bản. Biên bản này được dùng làm căn cứ để xây dựng dự án hỗ trợ phát triển sản xuất...../.

Thư ký
(ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện cộng đồng
(ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện UBND xã
(ký, ghi rõ họ tên)

Chủ trì
(Trưởng ấp/khu vực)
(ký, ghi rõ họ tên)

CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ
(TỔ, NHÓM HỘ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

V/v hỗ trợ dự án, phương án phát triển sản xuất cộng đồng

Kính gửi: UBND xã/phường/thị trấn.....

Căn cứ.....

Căn cứ biên bản họp ấp/khu vực ngày..... thángnăm

Cộng đồng dân cư đề xuất dự án/phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng năm..... gồm các nội dung sau:

Tên cộng đồng dân cư (Tổ, nhóm):.....

Người đại diện (tổ trưởng, nhóm trưởng):

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:..... Email:

Căn cứ chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng của các chương trình mục tiêu quốc gia, (Tên cộng đồng dân cư) đề nghị UBND xã, phường, thị trấn.....xem xét tổng hợp trình UBND huyện, thị xã, thành phố thẩm định dự án, phương án phát triển sản xuất cộng đồng như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dự án, phương án:

2. Địa bàn thực hiện:

3. Số hộ tham gia:

4. Tiến độ thực hiện dự kiến:

II. ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC

1. Nội dung đề nghị hỗ trợ:

.....
.....
.....
.....
.....

2. Tổng vốn, kinh phí đề nghị hỗ trợ
 Chi tiết các năm đề nghị hỗ trợ (nếu hỗ trợ trong nhiều năm):

III. CAM KẾT: Tên cộng đồng dân cư (Tổ, nhóm) cam kết:.....

1. Tính chính xác của những thông tin trên đây.
2. Thực hiện đầy đủ các thủ tục và thực hiện đúng nội dung đã đăng ký theo quy định khi có quyết định hỗ trợ của cơ quan có thẩm quyền.
3. Đảm bảo đúng số lượng và tỷ lệ kinh phí đối ứng quy định tối thiểu từ các bên tham gia dự án, phương án theo nội dung đã đăng ký và dự án, phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
4. Cam kết thực hiện luân chuyển, thu hồi bằng tiền hoặc hiện vật phần vốn hỗ trợ từ ngân sách khi đến thời hạn thu hồi theo phê duyệt dự án/phương án của cấp có thẩm quyền (nếu có).
5. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam.

IV. TÀI LIỆU KÈM THEO (liệt kê danh mục các tài liệu có liên quan gửi kèm):/.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

**ĐẠI DIỆN CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ
 (TỔ, NHÓM TRƯỞNG)**

(Ký, ghi họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH TIÊU THỤ SẢN PHẨM**Dự án/phương án****PHẦN I. GIỚI THIỆU VỀ DỰ ÁN/PHƯƠNG ÁN**

1. Tên dự án/phương án:.....
2. Mục tiêu của dự án/phương án:
3. Đối tượng tham gia dự án/phương án
 - Đại diện cộng đồng dân cư (gồm: tên người đại diện, số CCCD hoặc CMND, địa chỉ liên hệ, số điện thoại liên lạc).
 - Số lượng hộ gia đình nông dân tham gia dự án/phương án (phân theo từng loại đối tượng được quy định theo các chương trình mục tiêu quốc gia)

4. Địa điểm thực hiện dự án/phương án:
5. Thời gian thực hiện dự án/phương án:
6. Sản phẩm nông nghiệp thực hiện sản xuất:
7. Quy mô sản xuất:
8. Quy trình kỹ thuật áp dụng trong quá trình sản xuất:
9. Hình thức hỗ trợ sản xuất:

PHẦN II: KẾ HOẠCH SẢN XUẤT, TIÊU THỤ SẢN PHẨM

1. Nhu cầu sản xuất sản phẩm của cộng đồng dân cư:
2. Xác định các hoạt động sản xuất nhằm đáp ứng mục tiêu dự án/phương án của cộng đồng:
3. Dự kiến kết quả sản xuất sản phẩm của cộng đồng:
4. Kế hoạch tiêu thụ sản phẩm của cộng đồng;

Số lượng sản phẩm tiêu thụ ra thị trường (trong nhân dân, thương lái, hợp tác xã, doanh nghiệp):
5. Phương án bố trí cơ sở vật chất, bố trí nhân lực và các điều kiện khác phục vụ sản xuất của cộng đồng:

PHẦN III. KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH

1. Phương án huy động và sử dụng vốn

Tổng chi phí, cơ cấu từng nguồn vốn: ngân sách nhà nước (*chi tiết kinh phí hỗ trợ cho từng nội dung, chi tiết các năm*), vốn đối ứng tham gia của cộng đồng dân cư, vốn hỗ trợ của doanh nghiệp và hợp tác xã, vốn tín dụng ưu đãi, vốn lồng ghép thực hiện:.....

1. Phương án về doanh thu, chi phí, lợi nhuận.

PHẦN IV. ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ DỰ ÁN/PHƯƠNG ÁN

NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ
(Ký và ghi họ tên)

CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ
(TỔ, NHÓM HỘ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

DỰ ÁN, PHƯƠNG ÁN
HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CỘNG ĐỒNG

Căn cứ.....

Căn cứ biên bản họp ấp, khu vực ngày..... thángnăm

Cộng đồng dân cư đề xuất dự án/phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng năm..... gồm các nội dung sau:

1. Tên dự án/phương án:.....

2. Đại diện cộng đồng dân cư

a) Tên người đại diện:.....

b) Địa chỉ: Ấp/khu vực....., xã/phường/thị trấn....., huyện, thị xã, thành phố

c) Số CCCD/CMND:, do cơ quan công an.....cấp, ngày..... tháng ...năm 20.....

d) Số điện thoại:.....

2. Mục tiêu dự án/phương án:

- Tạo việc làm, tăng thu nhập; dự kiến số hộ thoát nghèo sau khi tham gia dự án;
- Các mục tiêu cụ thể theo từng dự án/phương án.....

3. Đối tượng tham gia dự án, phương án:

4. Thời gian triển khai: Thời gian bắt đầu....., thời gian kết thúc.....;

5. Địa bàn thực hiện: Ấp/khu vực....., xã/phường/thị trấn....., huyện, thị xã, thành phố

6. Nội dung dự án, phương án:

a) Kỹ thuật thực hiện dự án/phương án, quy trình sản xuất, định mức kinh tế kỹ thuật áp dụng (nêu rõ các yêu cầu chi tiết về mặt kỹ thuật liên quan đến các hoạt động dự án. Ví dụ: Tên giống, chủng loại, yêu cầu chất lượng, số lượng hỗ trợ, các loại vật tư, thiết bị cần thiết, quy trình kỹ thuật áp dụng....):

b) Các hoạt động của dự án, phương án:

- Công tác chuẩn bị: Đất đai, lao động, các đối tượng tham gia dự án
- Lập danh sách đối tượng tham gia dự án, phương án theo mẫu sau:

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Hỗ trợ của Nhà nước (triệu đồng)	Trong đó:		Đổi ứng (quy theo giá trị) Triệu đồng	Đăng ký vay vốn từ Ngân hàng CSXH (triệu đồng)
				Giống	Vật tư, máy móc		
1							
2							
3	...						

- Cung ứng giống vật tư:.....;
- Tổ chức thực hiện sản xuất:
- Tổ chức tiêu thụ sản phẩm (liên kết tiêu thụ với doanh nghiệp, hợp tác xã);

c) Tiến độ thời gian thực hiện dự án, phương án;

d) Kiểm tra, giám sát, tổng kết dự án, phương án;

7. Kinh phí dự kiến thực hiện dự án, phương án (Triệu đồng)

TT	Nội dung (Chi tiết theo nội dung được hỗ trợ của từng chương trình đã quy định trong nghị quyết)	Đơn vị tính	Tổng dự toán			Chia ra các nguồn			
			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ngân sách nhà nước	Đổi ứng của người dân	Vay từ Ngân hàng CSXH	Nguồn khác
1									
2									
3	...								
	Tổng kinh phí								

8. Hình thức, mức quay vòng: Hình thức thu hồi bằng hiện vật hoặc tiền mặt; tỷ lệ thu hồi....%; mức kinh phí thu hồi..... triệu đồng/hộ; thời gian thu hồi.....; gia hạn thời gian thu hồi.....; giải pháp thu hồi....

9. Dự kiến kết quả đầu ra của dự án, phương án:

- Giải quyết việc làm;

- Nâng cao thu nhập cho hộ;
- Số hộ thoát nghèo;

10. Chế tài xử lý trường hợp vi phạm cam kết:

11. Tổ chức thực hiện dự án, phương án:

- Nêu rõ phương thức tổ chức thực hiện;
- Trách nhiệm của các đối tượng tham gia dự án;

12. Đề xuất, kiến nghị:.....

**XÁC NHẬN CỦA
UBND XÃ.....**

(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ngày.... tháng.....năm.....
**ĐẠI DIỆN CỘNG ĐỒNG DÂN
CƯ (TỔ, NHÓM TRƯỞNG)**
(ký, ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

BẢN CAM KẾT CỦA HỘ GIA ĐÌNH
THAM GIA DỰ ÁN, PHƯƠNG ÁN
HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CỘNG ĐỒNG

1. Họ và tên chủ hộ:.....
2. Địa chỉ: Ấp/khu vực....., xã/phường/thị trấn....., huyện, thị xã, thành phố
3. Số CCCD/CMND:, do cơ quan công an.....cấp, ngày..... tháng ...năm 20.....
4. Số điện thoại:.....

TÔI XIN CAM KẾT NHƯ SAU:

1. Tự nguyện, tích cực tham gia thực hiện vào các nội dung của Dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
2. Đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, lao động, tư liệu sản xuất đáp ứng nội dung của dự án, phương án.
3. Cam kết đảm bảo phần đối ứng của gia đình tham gia thực hiện dự án, phương án và thực hiện luân chuyển hiện vật hoặc tiền quay vòng theo phê duyệt dự án, phương án của cấp có thẩm quyền.
4. Nếu vi phạm cam kết, tôi xin chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

Cam kết này được lập thành 03 bản có giá trị như nhau. UBND xã giữ 01 bản; Tổ trưởng, nhóm trưởng giữ 01 bản, cá nhân giữ 01 bản./.

ĐẠI DIỆN CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ
(TỔ, NHÓM TRƯỞNG)

(ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN HỘ THAM GIA

(ký, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ.....

(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)





Phụ lục III

HỒ SƠ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT THEO NHIỆM VỤ (Kèm theo Quy định hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất từ các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Hậu Giang)

Mẫu số 01	Đề cương xây dựng dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ
Mẫu số 02	Hợp đồng về cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (áp dụng đặt hàng cho nhà cung cấp dịch vụ sự nghiệp công khác)
Mẫu số 03	Quyết định về việc đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (áp dụng đối với giao nhiệm vụ, đặt hàng cho đơn vị sự nghiệp công lập)



TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
ĐỀ XUẤT DỰ ÁN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày...tháng...năm.....

TÊN DỰ ÁN

1. Tên cơ quan đơn vị đề xuất dự án:
2. Loại mô hình:.....
3. Mục tiêu dự án (*mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, dự kiến số hộ thoát nghèo*):.....
4. Đối tượng tham gia:.....
5. Thời gian triển khai:.....
6. Địa bàn thực hiện:.....
7. Nội dung:.....
8. Kinh phí thực hiện:.....
9. Kế hoạch triển khai:.....
10. Tổ chức thực hiện dự án:.....
11. Các nội dung liên quan khác:.....

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
ĐỀ XUẤT DỰ ÁN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HỢP ĐỒNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /HĐKT

....., ngày... tháng... năm.....

HỢP ĐỒNG

**Về cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước
 (hoặc sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích)**

Căn cứ Bộ Luật Dân sự;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 04 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Quyết định số, ngày quy định chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị.

Căn cứ Quyết định về giao dự toán ngân sách năm.....

Căn cứ.....

Hôm nay, ngày tháng... năm... chúng tôi gồm có:

- Đại diện bên A: (cơ quan, tổ chức ký Hợp đồng đặt hàng:.....)

+ Địa chỉ:

+ Điện thoại:, Fax:.....

+ Mã số thuế (nếu có):

+ Tài khoản:

+ Do Ông (Bà):.....

+ Chức vụ:làm đại diện

- Đại diện bên B (đơn vị nhận Hợp đồng đặt hàng:))

+ Địa chỉ:

+ Điện thoại:, Fax:.....

+ Mã số thuế (nếu có):

+ Tài khoản:

+ Do Ông (Bà):.....

+ Chức vụ:làm đại diện

Sau khi bàn bạc, hai bên thống nhất ký hợp đồng đặt hàng với các điều kiện sau:

Điều 1. Nội dung hợp đồng đặt hàng

1. Tên danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước đặt hàng (*hoặc danh mục sản phẩm, dịch vụ công ích đặt hàng*):

a) Số lượng, khối lượng đặt hàng:

b) Chất lượng sản phẩm:

c) Thời gian triển khai và thời gian hoàn thành:

d) Đơn giá, giá đặt hàng theo quyết định của cấp có thẩm quyền:

đ) Giá trị hợp đồng, trong đó chi tiết theo các nguồn sau:

- Nguồn ngân sách nhà nước đặt hàng (theo giá tính đủ chi phí) hoặc kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ phần chi phí chưa kết cấu trong giá, phí dịch vụ sự nghiệp công (*trường hợp giá chưa tính đủ chi phí*):

- Nguồn phí được để lại chi cho hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí theo pháp luật về phí và lệ phí:

- Nguồn thu dịch vụ sự nghiệp công theo giá dịch vụ sự nghiệp công do Nhà nước định giá:

- Nguồn khác (*nếu có*):

e) Phương thức thanh toán, quyết toán:

g) Phương thức nghiệm thu, bàn giao sản phẩm:

h) Quyền và nghĩa vụ của đơn vị cung cấp sản phẩm, dịch vụ công:

i) Quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức đặt hàng:

k) Trách nhiệm của các bên do vi phạm hợp đồng; phương thức giải quyết:

l) Ngoài ra, các bên có thể bổ sung một số nội dung khác nhưng không trái với quy định của pháp luật:

2. Đối với hợp đồng sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích, ngoài các nội dung tại điểm 1 nêu trên, tùy theo tính chất sản phẩm đặt hàng để bổ sung các nội dung sau:

- Số lượng, khối lượng sản phẩm, dịch vụ công ích được trợ giá.

- Mức trợ giá, số tiền được trợ giá.

- Doanh thu, chi phí sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.

- Chi phí hợp lý sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.

- Giá tiêu thụ, giá sản phẩm dịch vụ.

- Giao hàng: thời gian, địa điểm, phương thức.

- Trách nhiệm của các bên do vi phạm hợp đồng và phương thức giải quyết.

- Nội dung quy định khác theo pháp luật chuyên ngành (nếu có).

Điều 2. Trách nhiệm mỗi bên

.....
.....

Điều 3. Điều khoản khác

.....
.....

ĐẠI DIỆN BÊN B
(Chữ ký, dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN A
(Chữ ký, dấu)



TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-....

....., ngày... tháng..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH**Về việc đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công
sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước****THẨM QUYỀN BAN HÀNH¹**

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị

Căn cứ Quyết định về giao dự toán ngân sách năm

Căn cứ

Xét đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước năm... cho đơn vị sự nghiệp công lập..., với các nội dung chính như sau:

1. Tên danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước

a) Số lượng, khối lượng dịch vụ sự nghiệp công đặt hàng.

b) Chất lượng dịch vụ sự nghiệp công.

c) Thời gian triển khai và thời gian hoàn thành.

d) Đơn giá, giá đặt hàng theo quyết định của cấp có thẩm quyền

đ) Dự toán kinh phí đặt hàng, trong đó chi tiết theo các nguồn sau:

- Nguồn ngân sách nhà nước đặt hàng (theo giá tính đủ chi phí) hoặc kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ phần chi phí chưa kết cấu trong giá, phí dịch vụ sự nghiệp công (*trường hợp giá chưa tính đủ chi phí*):

- Nguồn phí được để lại chi cho hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí theo pháp luật về phí và lệ phí:

¹ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, thị xã, thành phố hoặc cơ quan quản lý trực thuộc được ủy quyền.

- Nguồn thu dịch vụ sự nghiệp công theo giá dịch vụ sự nghiệp công do Nhà nước định giá:

- Nguồn khác (nếu có):

c) Phương thức thanh toán, quyết toán:

g) Phương thức nghiệm thu, bàn giao sản phẩm:

h) Quyền và nghĩa vụ của đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp dịch vụ sự nghiệp công:

i) Quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức đặt hàng:

k) Ngoài ra, có thể bổ sung một số nội dung khác nhưng không trái với quy định của pháp luật:

2. Tên danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước ... *(nội dung như khoản 1 nêu trên)*.

3. Tên danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước ... *(nội dung như khoản 1 nêu trên)*.

Điều 2. Căn cứ đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước, Thủ trưởng đơn vị.....thực hiện theo đúng nội dung đặt hàng tại Điều 1 Quyết định này, quy định của Luật ngân sách nhà nước và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành. Thủ trưởng các cơ quan có liên quan, Thủ trưởng đơn vị chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT,...

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ
CỦA NGƯỜI KÝ**
(Chữ ký, dấu)